

TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 25-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trung tá Mai Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm quân nhân:

Thiếu tá Trần Văn Tú;

Đại úy Lý Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Thiếu tá Nguyễn Thị Kim Phượng, Cán bộ Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 tham gia phiên tòa: Trung tá Nguyễn Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

V, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1978, tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Số C đường L, Khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Y (đã chết) và bà Đoàn Thị Tuyết M; có vợ là Huỳnh Thị Kim T và 02 con (sinh năm 2002, 2016); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/8/2015 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích; bị tạm giam từ ngày 30/8/2024 cho đến nay, tại Trại Tạm giam H85-Quân khu I; có mặt.

- Bị hại:

1. Võ Thị Ngọc T1, sinh ngày 10/8/1993; nơi cư trú: Số D, đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; có mặt.

2. Mai Quế L, sinh ngày 10/9/1987; nơi cư trú: Số 78b/4, Tổ D, Khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 01/4/1977; nơi cư trú: Số C, đường L, Khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ An Quốc T2 là nhân viên giao gas của Công ty G, có ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân nên nhiều lần điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 65C1-038.48: nhãn hiệu Honda, số máy: JC52E006006, số khung: RLHJ5200CY004965, loại xe Wave RS, màu: Đỏ - Đen - Trắng đến các trường học trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nắm quy luật, quan sát sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc giữ gìn tài sản của phụ huynh khi đưa con đến trường để tìm cơ hội lấy cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 30/8/2024, Võ An Quốc T2 đã thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15/8/2024, Võ An Quốc T2 điều khiển xe đến Trường Mầm non Q (thuộc Khu V, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ) nhìn thấy 01 ba lô để trên xe mô tô BKS 65P5-3131, đang đỗ bên lề đường, trong khu vực nhà ở công vụ, tập thể Cục H, không người trông coi nên đi đến, lén lút mở khóa lấy 01 ba lô nhỏ bên trong và rời đi. Khi kiểm tra bên trong ba lô, T2 đã lấy: 01 điện thoại Iphone 15 ProMax, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 03 thẻ tín dụng bỏ vào túi áo bên trái; còn ba lô, 01 giấy phép lái xe, 01 chìa khóa xe, T2 ném bỏ bên đường. Không mở khóa điện thoại được nên T2 ném xuống sông B cùng với thẻ ATM, thẻ tín dụng và căn cước công dân. Tất cả đồ vật này là của bà Võ Thị Ngọc T1.

Lần thứ hai: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 30/8/2024, Võ An Quốc T2 điều khiển xe đến Trường Tiểu học T3 (thuộc phường T, quận B, thành phố Cần Thơ), nhìn thấy xe mô tô BKS 64F1-544.57 không người trông coi nên đi đến, lén lút mở hộc xe lấy 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng của bà Mai Quế L, bỏ vào túi quần, sau đó rời đi. Không mở khóa điện thoại được nên trên đường đi giao gas, đến gần cầu S (khu vực Bình Phước, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ), T2 lấy điện thoại ném xuống sông.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ An Quốc T2 thừa nhận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên nhiều lần đi đến các trường học để quan sát, khi thấy phụ huynh sơ hở, thiếu chú ý, cảnh giác trong quản lý tài sản thì sẽ lấy cắp. Ngày 15/8/2024, tại Trường Mầm non Q, bị cáo đã lấy cắp 01 ba lô để trên xe mô tô BKS 65P5-3131, trong đó có: 01 điện thoại Iphone 15 ProMax và nhiều vật dụng khác. Ngày 30/8/2024, tại Trường Tiểu học T3, bị cáo đã lấy cắp 01 điện thoại Iphone 15 trên xe mô tô BKS 64F1-544.57. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 33.250.000 đồng. Bị cáo đồng ý với thỏa thuận bồi thường giữa vợ của bị cáo và bị hại Võ Thị Ngọc T1; không yêu cầu giải quyết phần tiền bồi thường vượt quá so với kết luận định giá tài sản.

Bị hại Võ Thị Ngọc T1 khai tại phiên tòa, như sau: Sáng ngày 15/8/2024, bà đưa con đi học ở Trường Mầm non Q, tại đây, bà bị mất trộm 01 ba lô, trong đó, có: 01 điện thoại Iphone 15 ProMax; 01 chìa khóa xe; 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 03 thẻ tín dụng, 01 giấy phép lái xe, tất cả đồ vật là của bà, mang

tên Võ Thị Ngọc T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà và bà Huỳnh Thị Kim T đã thỏa thuận và bồi thường xong thiệt hại. Theo đó, bà được đền bù bằng 01 điện thoại Iphone 15 ProMax mới, trị giá 29.716.000 đồng. Căn cước công dân mang tên của bà được người dân tìm thấy, bà đã nhận lại. Đối với: 01 chìa khóa xe, 01 thẻ ATM, 03 thẻ tín dụng, 01 giấy phép lái xe và sim điện thoại số 0931.035.059 nằm trong điện thoại bị lấy trộm đã được bà làm lại; 01 ba lô đã qua sử dụng, giá trị không lớn nên bà không yêu cầu bồi thường, cam kết không khiếu nại về dân sự, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Mai Quế L vắng mặt tại phiên nhưng có lời khai tại Cơ quan điều tra, như sau: Sáng ngày 30/8/2024, khi đưa con đi học, tại trường Tiểu học T3, bà bị mất trộm 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng, để trong học xe mô tô BKS 64F1-544.57. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Huỳnh Thị Kim T khai: Bà và bị cáo Võ An Quốc T2 đăng ký kết hôn từ ngày 21/9/2001. Ngày 08/9/2024, bà và bị hại Võ Thị Ngọc T1 có thỏa thuận bồi thường thiệt hại và đã thực hiện bồi thường xong với số tiền là 29.716.000 đồng. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này. Xe mô tô BKS 65C1-038.48 được mua vào năm 2022, tại Cửa hàng D nhưng chưa làm thủ tục sang tên, là tài sản chung của bà và bị cáo.

Tại các Kết luận định giá tài sản: Số 34/KL-HĐĐGTS, ngày 27/8/2024; Số 39/KL-HĐĐGTS và Số 40/KL-HĐĐGTS, ngày 18/9/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự quận B, thành phố Cần Thơ, kết luận: Tại thời điểm định giá, giá trị của điện thoại Iphone 15 ProMax là 20.000.000 đồng; 01 ba lô không nhãn hiệu và 01 chìa khóa: Không có giá trị mua, bán trên thị trường; giá trị của điện thoại Iphone 15 là 13.250.000 đồng. Tổng thiệt hại tài sản trị giá là 33.250.000 đồng.

Chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 426866, thửa đất khu vực nhà ở công vụ, tập thể cán bộ Cục Hậu cần, Cục K là của Bộ.

Quyết định số 408/QĐ-BTL, ngày 07/10/2019 của Tư lệnh Quân khu I về việc giao nhiệm vụ quản lý nhà ở tập thể cán bộ Cục Hậu cần, Cục K cho Cục H.

Quyết định số 604/QĐ-HCKT ngày 29/11/2024 của Chủ nhiệm Cục H về việc kiện toàn Ban quản lý Nhà ở công vụ, tập thể cán bộ Cục Hậu cần - Kỹ thuật, quy định Ban quản lý có trách nhiệm tham mưu, đề xuất phương pháp quản lý, thường xuyên kiểm tra... khu nhà ở công vụ, tập thể.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSKV91 ngày 14/11/2024 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 truy tố bị cáo Võ An Quốc T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Võ An Quốc T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Võ An Quốc T2 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày tạm giam (ngày 30/8/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo có thu nhập không ổn định.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự (BLDS), đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX), buộc bị cáo Võ An Quốc T2 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Võ Thị Ngọc T1.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Huỳnh Thị Kim T, đã thay bị cáo thỏa thuận bồi thường và đã thực hiện xong với số tiền là 29.716.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại. Bị cáo đồng ý với nội dung thỏa thuận bồi thường dân sự, không yêu cầu giải quyết số tiền bồi thường vượt quá. Bị hại Mai Quế L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX ghi nhận Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 - Quân khu I đã trả lại 01 điện thoại Iphone 15 cho bị hại Mai Quế L là đúng quy định pháp luật; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị xe mô tô BKS 65C1-038.48; khoản 2 Điều 47 BLHS trả lại 1/2 giá trị xe mô tô cho bà Huỳnh Thị Kim T; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 quần kaki và 01 áo thun ngắn tay màu xanh.

Áp dụng quy định án phí, lệ phí đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ An Quốc T2 đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đồng ý nội dung luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về sai phạm của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ tài liệu, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 - Quân khu I, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở để khẳng định các chứng cứ tài liệu, hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ An Quốc T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Theo đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15/8/2024, tại Trường Mầm non Q và khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 30/8/2024, tại Trường Tiểu học T3, lợi dụng sự thiếu chú ý, quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Võ An Quốc T2 đã lén lút chiếm đoạt: 01 ba lô có chứa 01 điện thoại Iphone 15 ProMax, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM, 03 thẻ tín dụng, 01 giấy phép lái xe, 01 chìa khóa xe của bà Võ Thị Ngọc T1 và 01 điện thoại Iphone 15, màu hồng của bà Mai Quế L. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 33.250.000 đồng. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn lao động chân chính nên bị cáo đã chủ động, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả để có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Trong thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản, mỗi lần chiếm đoạt đều đủ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra, bị cáo tác động vợ, là bà Huỳnh Thị Kim T thỏa thuận bồi thường và đã thực hiện bồi thường xong cho bị hại Võ Thị Ngọc T1; tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại Võ Thị Ngọc T1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xem xét toàn diện vụ án, HĐXX xét thấy bị cáo Võ An Quốc T2 có nhân thân không tốt, đã bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không ăn năn, sửa chữa mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ răn đe, cải tạo, giáo dục

bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Võ An Quốc T2 phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Võ Thị Ngọc T1. Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Kim T và bị hại Võ Thị Ngọc T1 tự nguyện thỏa thuận bồi thường và đã thực hiện xong với số tiền là 29.716.000 đồng. Bị cáo, bị hại Võ Thị Ngọc T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu giải quyết phần tiền bồi thường vượt quá trong vụ án. Bị hại Mai Quế L không yêu cầu bồi thường và bà Huỳnh Thị Kim T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 - Quân khu I đã truy tìm và trả lại 01 điện thoại Iphone 15 cho bị hại Mai Quế L là đúng quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô BKS 65C1-038.48, nhãn hiệu Honda, số máy: JC52E006006, số khung: RLHJ5200CY004965, loại xe Wave RS, màu: Đỏ - Đen - Trắng, do anh Lương Tuấn V đứng tên chủ sở hữu. Năm 2022, vợ chồng bị cáo đã mua xe này tại Cửa hàng D nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Căn cứ Điều 223 BLDS năm 2015 và khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bị cáo và vợ của bị cáo là bà Huỳnh Thị Kim T có quyền sở hữu chung xe BKS 65C1-038.48. Bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, xét thấy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe; căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS trả lại 1/2 giá trị chiếc xe cho bà Huỳnh Thị Kim T.

Đối với 01 áo thun ngắn tay, màu xanh phấn, có sọc ngang phía trước và 01 quần dài (loại kaki, có nhiều túi) màu xám của bị cáo đã qua sử dụng, xét thấy, đây là áo và quần mà bị cáo dùng để mặc hàng ngày. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Võ An Quốc T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ An Quốc T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Võ An Quốc T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 30/8/2024).

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện thoả thuận và đã thực hiện bồi thường xong cho bị hại Võ Thị Ngọc T1, số tiền là 29.716.000 (Hai mươi chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị xe mô tô BKS 65C1-038.48 và trả lại 1/2 giá trị xe mô tô BKS 65C1-038.48 cho bà Huỳnh Thị Kim T.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại 01 áo thun và 01 quần dài cho bị cáo Võ An Quốc T2.

Các vật chứng trên có đặc điểm nêu trong Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, được lập lúc 13 giờ 45 phút và 14 giờ 45 phút, ngày 30/8/2024 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 5 - Quân khu I.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Võ An Quốc T2 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024), đối với bị cáo, bị hại Võ Thị Ngọc T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại Mai Quế L có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 9./.

Nơi nhận:

- VKSQSQK9; VKSQSKV91;
- Cơ quan THAHSQK9;
- Phòng THAQK9;
- Trại Tạm giam H85-QK9;
- Cơ quan ĐTHSKV5-QK9;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQL, NVLQĐVA;
- Lưu: HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trung tá Mai Thị Thanh Trúc